

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT

Ngày 15 - 01 - 2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Ông Nguyễn Chí Dũng
tòa:

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Tôn
Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Đước - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2024/TLPT-HNGĐ ngày 12
tháng 11 năm 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2024/-ST ngày 04 tháng 9
năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2024/QĐ-PT ngày
28 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch huyện H.

Địa chỉ trụ sở: Đường H, Khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Xuân B, chức vụ: Giám đốc.

3.2. Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ.

Địa chỉ trụ sở: Số A, Đường C, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh L1, chức vụ: Giám đốc.

4. *Người kháng cáo:* Ông Trần Thanh T, là bị đơn trong vụ án.

(Ông T, bà L có mặt; Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ có văn bản vắng mặt; Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch huyện H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trịnh Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Trần Thanh T cưới nhau năm 2013, hôn nhân tự tìm hiểu trước, đến ngày 08/5/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới xong sống bên gia đình ông T, khi chuẩn bị sinh con Trần Thanh Ngọc P thì bà L về nhà cha mẹ ruột ở xã T, huyện H sống để nhờ chăm sóc, cuộc sống lúc đầu hạnh phúc. Đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T ghen tuông vô cớ nên thường xuyên cãi nhau, ông T không chăm lo gia đình mà về nhà cha mẹ ruột ở xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp sống. Từ lúc không sống chung đến nay không có gặp nhau hàn gắn, cha mẹ hai bên cũng vậy. Nay bà L yêu cầu ly hôn với ông T, vì tình cảm không còn.

Về con chung: Bà L trình bày có con tên Trần Thanh Ngọc P, sinh ngày 19/3/2014 và Trần Thanh Toàn T1, sinh ngày 14/4/2016, đều đang sống với bà L. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng Ngọc P và T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L trình bày có vay Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ và Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch huyện H, bà L không yêu cầu đưa các Ngân hàng vào tham gia tố tụng và không yêu cầu ông T cùng trả nợ.

- Bị đơn ông Trần Thanh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông T và bà Trịnh Thị L cưới nhau năm 2013, hôn nhân tự tìm hiểu trước, đến ngày 08/5/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới xong sống bên gia đình ông T ở xã L, khi chuẩn bị sinh con Trần Thanh Ngọc P thì bà L về nhà cha mẹ ruột ở xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp sống. Sau đó ông và bà L mua nền và cất nhà ở riêng tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, cuộc sống lúc đầu hạnh phúc. Đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T bệnh tai biến, bà L ngoại tình và thường kiếm chuyện dẫn đến cãi nhau. Ngày 15/12/2023 bà L đuổi ông T ra khỏi nhà, nên ông về nhà cha mẹ ở xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp sống cho đến nay. Từ lúc không sống chung không có gặp nhau hàn gắn, cha mẹ hai bên

cũng vậy. Nay ông T đồng ý ly hôn với bà L, vì tình cảm không còn.

Về con chung: Ông T trình bày có con tên Trần Thanh Ngọc P, sinh ngày 19/3/2014 và Trần Thanh Toàn T1, sinh ngày 14/4/2016 đang sống với bà L. Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng Ngọc P, đồng ý giao Toàn Thắng cho bà L nuôi dưỡng, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông T trình bày có căn nhà tại xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Trong vụ án này ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết, để sau này khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về nợ chung: Ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch huyện H trình bày:* Bà Trịnh Thị L có vay tiền tại Ngân hàng, có văn bản ý kiến không yêu cầu giải quyết nợ vay trong vụ án này, xin từ chối tham gia tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ trình bày:* Bà Trịnh Thị L có vay tiền tại Ngân hàng, có văn bản ý kiến không yêu cầu giải quyết nợ vay trong vụ án này, xin không tham gia tố tụng.

Tại quyết định bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự xét xử:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trịnh Thị L, sinh năm 1985 với ông Trần Thanh T, sinh năm 1977.

2. Về quyền nuôi con chung:

Không chấp nhận yêu cầu nuôi 01 con chung của ông Trần Thanh T.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Trịnh Thị L (là mẹ) được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trần Thanh Ngọc P, sinh ngày 19/3/2014 và Trần Thanh Toàn T1, sinh ngày 14/4/2016 (Hiện hai cháu đang sống với bà Trịnh Thị L). Ông Trần Thanh T (là cha) có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp nếu ông Trần Thanh T (là cha - người không trực tiếp nuôi con) lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trịnh Thị L (là mẹ - người trực tiếp nuôi con) có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Thanh T (là cha - người không trực tiếp nuôi con).

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Thị L (là mẹ - người trực tiếp nuôi con) chưa yêu cầu, nên ông Trần Thanh T (là cha - người không trực tiếp nuôi con) cũng chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, nợ: Bà Trịnh Thị L, ông Trần Thanh T, Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch huyện H, Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trịnh Thị L phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 150.000 đồng (theo tự nguyện của bà L chịu thay cả phần của ông Trần Thanh T), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/2023, số: 0004568, ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vậy bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và bà L được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chênh lệch thừa trong biên lai thu nêu trên.

Bị đơn ông Trần Thanh T không phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (do bà L đã nộp thay).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/9/2024 ông Trần Thanh T kháng cáo bản án sơ thẩm số: 72/2024/HNGĐ-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự. Ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Về hôn nhân: Ông T không chấp nhận ly hôn với bà Trịnh Thị L, về con chung: Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Thanh Ngọc P, về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi căn nhà tại xã T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Thanh T trình bày: Vẫn giữ kháng cáo, không thống nhất ly hôn, ông và bà L phát sinh mâu thuẫn từ năm 2023 không phải năm 2021, lúc còn sống chung hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn khi ông bị bệnh tai biến, bà L ngoại tình và thường đi sớm về trễ không chăm lo gia đình. Từ khi không sống chung không có gặp nhau hàn gắn và cha mẹ hai bên cũng vậy, còn ly hôn ông phải được nuôi dưỡng Ngọc P. Ông T thay đổi kháng cáo không chấp nhận ly hôn với bà L, yêu cầu được nuôi dưỡng Ngọc P không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản không yêu cầu chia đôi căn nhà tại xã T. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông.

Bà Trịnh Thị L trình bày: Không thống nhất kháng cáo của ông T, thống nhất theo bản án sơ thẩm, bà không còn tình cảm với ông T, từ khi không sống chung không có gặp nhau hàn gắn, bà yêu cầu ly hôn và không có đi làm sớm về trễ như ông T trình bày. Ông T thương con nên mua thức ăn cho con dùng mà không nên cho tiền, việc cho tiền khó mà kiểm soát được và ảnh hưởng đến việc học tập của con. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng

trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại Tòa án cấp phúc thẩm ông T không thống nhất ly hôn, bà L yêu cầu ly hôn, nhưng hôn nhân giữa bà L và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chấp nhận cho bà L ly hôn với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông T, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn kháng cáo của ông Trần Thanh T nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai chỉ có ông T, bà L có mặt; Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ có văn bản vắng mặt; Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch huyện H vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

Về quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết phù hợp khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm. Về hôn nhân: Ông T không chấp nhận ly hôn với bà Trịnh Thị L, về con chung: Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Thanh Ngọc P, về tài sản chung: Yêu cầu chia đôi căn nhà tại xã T. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T thay đổi kháng cáo không chấp nhận ly hôn với bà L, yêu cầu được nuôi dưỡng Ngọc P không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản không yêu cầu chia đôi căn nhà tại xã T.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ và tại phiên tòa thể hiện: Bà L và ông T sống chung với nhau từ năm 2013, trước khi sống chung có tìm hiểu trước và tự nguyện đến nhau. Đến ngày 08/5/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp nên hôn nhân giữa bà L và ông T là hợp pháp.

Theo bà L trình bày thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân do ông T ghen vô cớ, thường cãi nhau và bất đồng quan điểm, từ năm 2021 ông T về nhà cha mẹ ruột tại xã L B sống. Còn ông T cho rằng năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông bị bệnh tai biến, bà L ngoại tình và thường kiếm chuyện dẫn đến cãi nhau, đến năm 2023 bà L đuổi ông ra khỏi nhà nên về nhà cha mẹ ruột sống. Bà L và ông T trình bày từ khi không sống chung không có gặp nhau hàn gắn, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà L và bà T thống nhất thuận tình ly hôn, nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông T là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm ông T không thống nhất ly hôn, tại phiên tòa phúc thẩm ông T cho rằng ly hôn thì được nuôi dưỡng Ngọc P, bà L không thống nhất và yêu cầu ly hôn, vì không còn tình cảm với ông T. Như vậy, hôn nhân giữa bà L và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Ông T yêu cầu được nuôi dưỡng Trần Thanh Ngọc P, sinh ngày 19/3/2014, đồng ý giao Trần Thanh Toàn T1, sinh ngày 14/4/2016 cho bà L nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ngọc P và Toàn T1 từ trước đến nay sống với bà L, việc bà L nuôi dưỡng đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt của Ngọc P, bà L công tác tại Trường trung học cơ sở T2 có thu nhập ổn định, hiện nay Ngọc P trên 07 tuổi. Tại bản tự khai ngày 02/02/2024 Ngọc P trình bày “Cha mẹ ly hôn con muốn ở với mẹ Trịnh Thị L”, việc ông T yêu cầu nuôi dưỡng trái với nguyện vọng của Ngọc P, ông T bị bệnh tai biến, sẽ khó khăn trong việc nuôi dưỡng, thu nhập không ổn định. Nếu giao Ngọc P cho ông T nuôi dưỡng sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của Ngọc P, Tòa án cấp sơ thẩm giao Ngọc P cho bà L nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, ông T yêu cầu nuôi dưỡng Ngọc P là không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông T kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy kháng cáo của ông T là không có căn cứ. Tại Tòa án cấp sơ thẩm bà L và ông T thống nhất ly hôn, tại Tòa án cấp phúc thẩm ông T không đồng ý ly hôn, bà L yêu cầu ly hôn như vừa phân tích nêu trên, nên sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, không chấp nhận kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Do sửa án ông T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh T.

2. Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 72/2024/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự.

2.1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trịnh Thị L ly hôn với ông Trần Thanh T.

2.2. Về quyền nuôi con chung:

Bà Trịnh Thị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Thanh Ngọc P, sinh ngày 19/3/2014 và Trần Thanh Toàn T1, sinh ngày 14/4/2016 (Hiện hai cháu đang sống với bà L). Ông Trần Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

Trường hợp nếu ông Trần Thanh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trịnh Thị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông T.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Trịnh Thị L không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

2.4. Về tài sản, nợ: Bà Trịnh Thị L, ông Trần Thanh T, Ngân hàng C - Chi nhánh tỉnh Đ - Phòng giao dịch huyện H và Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Trịnh Thị L phải chịu án 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004568, ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006286, ngày 12/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Hồng Ngự;
- Chi cục THADS huyện Hồng Ngự;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Dũng